



PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN HOÀN THIỆN

Đoàn Trung Kiên¹
Nguyễn Thị Văn Anh²

Tóm tắt: Hòa giải thương mại là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án được pháp luật quy định. Cụ thể, Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động hòa giải thương mại, đánh dấu bước phát triển mới của một trong các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án, nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp của các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh những kết quả đạt được, sau một thời gian thực hiện, Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 đã bộc lộ một số bất cập và đặt ra nhu cầu hoàn thiện trong thời gian tới để nâng cao hiệu quả thực thi trên thực tế. Các bất cập trong thực tiễn thi hành có thể kể đến ở các quy định về hòa giải viên thương mại, về trung tâm hòa giải thương mại và trình tự, thủ tục hòa giải thương mại.

Từ khóa: Hòa giải thương mại, phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án, hòa giải viên thương mại, Trung tâm hòa giải thương mại.

Nhận bài: 06/08/2019; **Hoàn thành biên tập:** 12/08/2019; **Duyệt đăng:** 03/09/2019.

Abstract: Commercial conciliation is one of the out-of-court dispute settlements specified by the law. Specially, the Resolution No. 22/2017/NĐ-CP dated 24/2/2017 of the Government on the commercial mediation has created legal ground for the commercial conciliation, marking the new development of the out-of-court dispute settlements to meet the dispute settlement of the enterprises in the international integration. Besides the results reached, after a certain time of implementation, the Resolution No. 22/2017/NĐ-CP dated 24/2/2017 has shown some shortcomings and requires finalization in the coming time to enhance the effectiveness of enforcement in reality. Shortcomings in the real enforcement include regulations on commercial mediators, commercial mediation centre and order, procedure of commercial mediation.

Keywords: Commercial mediation, out-of-court dispute settlement, commercial mediators, centre of commercial mediation.

Date of receipt: 06/08/2019; **Date of revision:** 12/08/2019; **Date of Approval:** 03/09/2019.

Chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế đã tạo ra nhiều cơ hội thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, thương mại phát triển. Nhưng cũng chính sự phát triển các hoạt động kinh doanh, thương mại đã làm gia tăng nguy cơ phát sinh các tranh chấp thương mại. Thực tiễn cho thấy các hoạt động kinh doanh, thương mại càng sôi động, sự cạnh tranh càng khốc liệt thì các tranh chấp thương mại cũng càng trở lên phổ biến và tính chất của chúng cũng ngày càng phức tạp. Để phức đáp nhu cầu và đòi hỏi khách quan của các thương nhân khi có tranh chấp xảy ra, đòi hỏi phải có những cơ chế có thể giải quyết tranh chấp linh hoạt qua đó bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của họ, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn của Việt Nam. Nhờ đa dạng hóa các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại đáp ứng nhu cầu và lợi ích của các thương nhân, nhà nước đã tạo ra môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh và ổn định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (Nghị định 22/2017/NĐ-CP) ra đời tạo hành lang pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động hòa giải thương mại, đánh dấu bước phát triển mới về một trong các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại. Sau khi Nghị định 22/2017/NĐ-CP

¹ Tiến sỹ, Giám đốc Học viện Tư pháp.

² Tiến sỹ, Giảng viên Khoa Đào tạo Luật sư, Học viện Tư pháp.

được ban hành, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-BTP ngày 26/03/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Thông tư 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại. Việc ban hành các quy định pháp luật về hòa giải nói trên đã góp phần khuyến khích việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng hòa giải, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp thông qua phương thức này. Tính đến nay, cả nước đã có 07 Trung tâm hòa giải thương mại được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập, 03 Trung tâm trọng tài được bổ sung chức năng hòa giải thương mại, chủ yếu là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với gần 100 hòa giải viên thương mại vụ việc đã đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên hiện nay, chưa có số liệu chính xác về vụ việc tranh chấp thương mại được giải quyết theo phương thức hòa giải thương mại. Nếu chỉ tính riêng Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC), thì VMC đã nhận được 05 yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại có tổng trị giá tranh chấp lên đến 934,5 tỷ đồng³.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sau thời gian thực hiện, Nghị định 22/2017/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập trong thực tiễn thi hành. Điều này đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện một số quy định về hòa giải thương mại nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về hòa giải viên thương mại

Hòa giải thương mại luôn có sự tham gia của hòa giải viên thương mại làm bên thứ ba trung lập để giúp các bên tranh chấp giải quyết xung đột của họ. Theo quy định của pháp luật, hòa giải viên thương mại bao gồm hòa giải viên thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa

giải thương mại được các bên lựa chọn hoặc được tổ chức hòa giải thương mại chỉ định theo đề nghị của các bên để hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp⁴. Hòa giải viên phải là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật và được công nhận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Tư pháp công nhận và công bố danh sách) hoặc một tổ chức hòa giải thương mại. Theo quy định pháp luật hiện hành, một người muốn trở thành hòa giải viên thương mại phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau: (i) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan; (ii) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên; (iii) Có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan⁵.

Căn cứ vào các tiêu chuẩn nêu trên có thể thấy pháp luật Việt Nam hiện nay đang áp dụng cả hai loại tiêu chuẩn là định lượng và định tính đối với hòa giải viên thương mại. Về tiêu chuẩn định lượng, hòa giải viên phải là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên. Các tiêu chuẩn định tính bao gồm hoà giải viên phải có đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan, có kỹ năng hoà giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan. Một số trường hợp bị cấm trở thành hoà giải viên bao gồm “người đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì không được làm hòa giải viên thương mại”⁶. Các trung tâm hoà giải thương mại thậm chí có thể quy định tiêu chuẩn hoà giải viên cao hơn các tiêu chuẩn trên, nhưng không được quy định tiêu chuẩn thấp hơn⁷.

³ <http://viac.vn/hoa-giai/giai-quyct-tranh-chap-bang-hoa-giai-thuong-mai-giup-cai-thien-moi-truong-kinh-doanh-a1505.html>.

⁴ Khoản 3 Điều 3 Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

⁵ Khoản 1 Điều 7 Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

⁶ Khoản 4 Điều 7 Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

⁷ Khoản 3 Điều 7 Nghị định 22/2017/NĐ-CP.



Việc áp dụng cả hai tiêu chí định lượng và định tính như vậy đối với hoà giải viên hành nghề tại Việt Nam là khá cao, có phần cứng nhắc và có thể gây khó khăn cho việc xác định ai đó có đáp ứng đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại hay không. Điều này cũng sẽ dẫn tới khó khăn cho việc thực hiện thủ tục đăng ký hòa giải viên thương mại vụ việc cũng như làm gia tăng hạn chế quyền lựa chọn bên trung gian làm hòa giải viên thương mại cho các bên tranh chấp. Vì vậy, pháp luật về hòa giải thương mại cần quy định về tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại rõ ràng hơn theo hướng giảm điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục hành chính đối với hoà giải viên thương mại, chỉ nên đưa ra những quy định mang tính định lượng rõ ràng, dễ xác định, giảm thiểu tối đa những quy định mang tính chất định tính. Chẳng hạn, đối với tiêu chí “có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan” thì có thể sửa đổi, bổ sung thành người có chứng chỉ hoàn thành khóa bồi dưỡng hoặc đào tạo về nghiệp vụ hoặc kỹ năng hòa giải. Việc cấp chứng chỉ nhằm xác định một khối lượng kiến thức, kỹ năng đã được tích lũy của hoà giải viên, giúp hoà giải viên có khả năng thực hiện tốt vai trò là trung gian hòa giải nhằm thúc đẩy chất lượng hoà giải viên, khuyến khích các hoà giải viên phải luôn nâng cao chuyên môn nghề nghiệp.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về trung tâm hòa giải thương mại

Một là, mở rộng các đối tượng được thành lập trung tâm hòa giải thương mại.

Có thể thấy, dù Nghị định 22/2017/NĐ-CP có hiệu lực đã hơn hai năm, nhưng số lượng các trung tâm hòa giải được thành lập tại Việt Nam là rất hạn chế. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc Nghị định 22/2017/NĐ-CP giới hạn các đối tượng được phép thành lập trung tâm hòa giải thương mại. Do vậy, pháp luật nên mở rộng các đối tượng được phép thành lập trung tâm hòa giải thương mại như liên đoàn luật sư, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (các hiệp hội ngành nghề)... Bởi lẽ, các tổ chức này thường hiểu rất rõ thành viên của mình và do đó hiểu được nhu cầu giải quyết tranh chấp bằng hòa giải và việc các tổ chức này được

phép cung cấp dịch vụ hòa giải theo yêu cầu của các bên tranh chấp sẽ khiến cho hòa giải thương mại trở nên hiệu quả hơn.

Hai là, bổ sung quy định về số lượng sáng lập viên tối thiểu khi thành lập trung tâm hòa giải thương mại.

Nghị định 22/2017/NĐ-CP không có quy định số lượng sáng lập viên tối thiểu cần thiết để thành lập trung tâm hòa giải thương mại. Điều đó dẫn tới cách hiểu, một Trung tâm hòa giải khi thành lập chỉ cần một hòa giải viên duy nhất, đồng thời là Chủ tịch Trung tâm hòa giải thương mại. Vì thế nên bổ sung quy định về số lượng sáng lập viên tối thiểu cần có khi thành lập trung tâm hòa giải thương mại là ba người đủ điều kiện là hòa giải viên. Điều này sẽ giúp cho hoạt động sau này của Trung tâm hòa giải thương mại được thuận lợi hơn, bởi không phải vụ việc nào các bên tranh chấp cũng chỉ yêu cầu 01 hòa giải viên tham gia mà nhiều trường hợp, các bên tranh chấp muốn một hội đồng hòa giải có ba hòa giải viên tham gia, thậm chí là nhiều hơn.

Ba là, về tên gọi của trung tâm hòa giải thương mại.

Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy định tên gọi của tổ chức hòa giải thương mại phải có cụm từ “*Trung tâm Hòa giải thương mại*”. Điều này là không cần thiết, có phần gò bó và không có ý nghĩa. Luật trọng tài thương mại năm 2010, một văn bản mà các nhà làm luật đã tham khảo rất nhiều để xây dựng nên Nghị định 22/2017/NĐ-CP cũng không có quy định nào về tên tổ chức trọng tài bắt buộc phải có cụm từ “*Trung tâm trọng tài thương mại*”. Tham khảo thực tiễn thế giới cũng cho thấy nhiều tổ chức hòa giải ở các quốc gia khác không phải lúc nào cũng có cụm từ “trung tâm hòa giải thương mại”; ví dụ như “Trung tâm giải quyết tranh chấp hiệu quả” (CEDR), “Trung tâm hòa giải Singapore” (SMC), “Trung tâm hòa giải Hồng Kông”...

Bốn là, về nghĩa vụ của Trung tâm hòa giải thương mại.

Điểm c, Khoản 2 Điều 24 Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy định nghĩa vụ của trung tâm hòa giải thương mại là: “*Ban hành quy tắc đạo đức và ứng xử của hòa giải viên thương mại*”. Việc tổ chức hòa giải có thể ban hành quy tắc đạo đức và

ứng xử nghề nghiệp của hòa giải viên là điều hợp lý. Tuy nhiên, Nghị định 22/2017/NĐ-CP lại không quy định đối với các hòa giải viên vụ việc thì hoạt động dựa trên quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp nào. Pháp luật về hòa giải thương mại nên sửa đổi thành cơ quan quản lý nhà nước về hòa giải (Bộ Tư pháp) ban hành bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp mẫu, áp dụng chung cho tất cả hòa giải viên. Các tổ chức hòa giải thương mại có thể sử dụng trực tiếp bộ quy tắc đạo đức mẫu này và cũng có thể ban hành quy tắc đạo đức, ứng xử riêng dành cho hòa giải viên thuộc trung tâm mình với những tiêu chuẩn cao hơn quy tắc mẫu.

Năm là, cần đơn giản hóa thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động của các Trung tâm hòa giải thương mại.

Theo quy định hiện hành thành lập, trung tâm hòa giải phải thực hiện hai thủ tục tại hai cấp hành chính là xin cấp Giấy phép thành lập tại Bộ Tư pháp và đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp cấp tỉnh. Để tạo thuận lợi hơn cho việc thành lập trung tâm hoà giải, nên nghiên cứu bỏ thủ tục cấp Giấy phép thành lập mà tổ chức hoà giải thương mại chỉ cần tiến hành đăng ký hoạt động tại Sở tư pháp tỉnh nơi Trung tâm đặt trụ sở với hồ sơ bao gồm: Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu ban hành bởi Bộ Tư pháp); các giấy tờ chứng minh điều kiện thành lập trung tâm hoà giải, danh sách và giấy tờ chứng minh điều kiện tiêu chuẩn của sáng lập viên phù hợp với pháp luật, dự thảo Điều lệ trung tâm (quy định hiện hành thiếu loại văn bản này), dự thảo Quy tắc hoà giải, dự thảo Quy tắc đạo đức và ứng xử của hoà giải viên. Tương tự như quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp mẫu, Bộ Tư pháp nên có quy định và hướng dẫn về Điều lệ mẫu, Quy tắc hoà giải mẫu và để tạo thuận lợi cho các Trung tâm hoà giải trong thực tế. Sở Tư pháp là cơ quan quản lý đầu mối, tự thực hiện thủ tục thông báo thông tin đối với cơ quan cấp trên là Bộ Tư pháp để cơ quan này thực hiện việc tập hợp thông tin, hồ sơ và công bố về tổ chức hoà giải thương mại với xã hội trên cổng thông tin điện tử.

Sáu là, cần xem xét để rút ngắn thời gian không tiến hành hoạt động hoà giải để chấm dứt hoạt động của tổ chức hoà giải thương mại.

Theo quy định, một trong các căn cứ để chấm dứt hoạt động của tổ chức hoà giải thương mại là việc không tiến hành hoạt động hoà giải trong thời gian 05 năm liên tục kể từ ngày được cấp phép hoặc kể từ ngày quyết định bổ sung hoạt động hoà giải thương mại của Bộ Tư pháp có hiệu lực⁸. Quy định như này là quá dài, sẽ không đảm bảo đúng tinh thần là thúc đẩy các trung tâm phát triển trong thực tế. Vì thế, nên hoàn thiện quy định này theo hướng xem xét rút ngắn lại khoảng thời gian còn 02 năm, để tránh trường hợp các trung tâm hoà giải được thành lập nhưng không có các hoạt động;

Thứ ba, hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục hòa giải thương mại

Một là, hoàn thiện quy định về thỏa thuận hòa giải.

Thỏa thuận hòa giải là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh bằng phương thức hòa giải⁹. Với tư cách là thỏa thuận nền tảng cho việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, pháp luật về hòa giải thương mại cần thiết phải bổ sung những quy định rõ ràng về hiệu lực của thỏa thuận hòa giải hoặc bổ sung thêm điều khoản về những trường hợp thỏa thuận hòa giải vô hiệu. Trong trường hợp các bên đã ký kết thỏa thuận hòa giải nhưng một trong các bên không muốn giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải thương mại mà khởi kiện đến cơ quan tài phán thì có được không? Hay nói cách khác nếu đã có thỏa thuận hòa giải thì cơ quan tài phán có từ chối thụ lý vì chưa đủ điều kiện thụ lý không?

Hiện nay, pháp luật về hòa giải thương mại không quy định nghĩa vụ ràng buộc các bên nếu đã có thỏa thuận hòa giải thì bắt buộc phải giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải. Bởi lẽ, hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp dựa trên sự tự nguyện của các bên. Tuy nhiên, pháp luật về hòa giải thương mại cũng cần thiết

⁸ Điểm c Khoản 5 Điều 31 Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

⁹ Khoản 2 Điều 3 Nghị định 22/2017.



phải bổ sung quy định các bên đã có thỏa thuận hòa giải nhưng không muốn tiếp tục thực hiện phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại thì các bên có quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp khác và thủ tục hòa giải chấm dứt. Quy định này nhằm tránh trường hợp các cơ quan tài phán có thể áp dụng pháp luật không nhất quán, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên tranh chấp.

Hai là, hoàn thiện quy định về nguyên tắc bảo mật thông tin trong quá trình hòa giải

Pháp luật về hòa giải thương mại cần thiết phải bổ sung quy định về các thông tin, tài liệu, chứng cứ, trao đổi giữa các bên, biên bản làm việc, biên bản hòa giải... có được trong quá trình hòa giải phải được bảo mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Các bên tranh chấp không được cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng cứ, biên bản làm việc... có được trong quá trình hòa giải thương mại làm chứng cứ chống lại phía bên kia tại cơ quan tài phán và trọng tài. Như vậy, các bên tranh chấp mới cởi mở cung cấp các thông tin hoặc chia sẻ thông tin của mình, tạo niềm tin với nhau và dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm giải pháp giải quyết tranh chấp.

Ba là, hoàn thiện quy định về tạm ngừng tính thời hiệu khởi kiện trong thủ tục hòa giải thương mại.

Nếu các bên tranh chấp lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại thì các bên tranh chấp phải thực hiện các trình tự, thủ tục hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp. Các bên sẽ mất một khoảng thời gian để giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải thương mại và chính khoảng thời gian bị kéo dài đó có thể làm cho vụ tranh chấp của các bên bị hết thời hiệu khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài. Nếu tình huống này xảy ra thì một trong các bên

sẽ phải gánh chịu những bất lợi, những thiệt hại, quyền lợi không được đảm bảo khi quá trình hòa giải không đạt được kết quả. Chính vì vậy, pháp luật về hòa giải thương mại nên bổ sung thêm quy định về việc tạm ngừng tính thời hiệu khởi kiện theo hướng, thời hiệu khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài đối với vụ việc được đưa ra hòa giải được tạm ngừng kể từ khi bắt đầu thủ tục hòa giải. Nếu thủ tục hòa giải chấm dứt mà các bên không đạt được thỏa thuận hòa giải thành thì thời hiệu khởi kiện tiếp tục được tính kể từ thời điểm kết thúc thủ tục hòa giải đó¹⁰.

Bốn là, hoàn thiện quy định về công nhận kết quả hòa giải thành sau thủ tục hòa giải.

Thủ tục yêu cầu tòa án công nhận kết quả hòa giải thành được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thủ tục tiếp theo của việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải thương mại. Tuy nhiên, nó cũng kết nối với quá trình giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại bởi vì thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành dễ dàng, thuận lợi, nhanh chóng thì mới phát huy được thủ tục hòa giải, các bên mới tin tưởng lựa chọn phương thức hòa giải giải quyết tranh chấp. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để một văn bản hòa giải thành được công nhận bởi Tòa án có thẩm quyền thì thẩm phán có thể yêu cầu các bên tham gia hòa giải, hòa giải thương mại bổ sung chứng cứ nếu thấy cần thiết¹¹. Quy định này của Tòa án có vẻ như đang mâu thuẫn với nguyên tắc bảo mật thông tin trong hòa giải thương mại. Vấn đề này nên hoàn thiện theo hướng nếu các bên hòa giải thành, thì Tòa án chỉ nên xem xét nội dung của thỏa thuận đó có đáp ứng đủ điều kiện theo quy định hay không để ra quyết công nhận hay không kết quả hòa giải thành của các bên mà không nên yêu cầu thêm các tài liệu chứng cứ¹². Thủ tục công nhận kết quả hòa giải ngoài tòa án quá phức tạp sẽ khiến cho các bên không tin tưởng và lựa chọn hòa giải nữa,

¹⁰ Tuyển tập một số văn bản về Trọng tài và Hòa giải thương mại (2010), Theo khuyến nghị của Luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế của Ủy ban Pháp luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc, Nxb Từ điển Bách Khoa, tr.149.

¹¹ Khoản 2 Điều 419 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

¹² Điều 417 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

làm giảm hiệu quả của phương thức này cũng như làm mất ý nghĩa của việc công nhận kết quả hòa giải ngoài tòa án.

Năm là, cần đơn giản hóa các thủ tục báo cáo hoạt động, lưu trữ hồ sơ, cung cấp thông tin về kết quả hòa giải cho cơ quan quản lý Nhà nước.

Trong quá trình hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại, mặc dù Nghị định 22/2017/NĐ-CP chỉ có quy định khá chung chung về nghĩa vụ báo cáo hoạt động, lưu trữ hồ sơ, cung cấp thông tin về kết quả hòa giải cho cơ quan nhà nước theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu nhưng Thông tư số 02/2018/TT-BTP đã hướng dẫn cụ thể hoá rất nhiều loại thông tin mà tổ chức hòa giải cần phải lưu trữ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước. Việc yêu cầu cung cấp thông tin và lưu trữ hồ sơ có mặt tích cực là giúp cho cơ quan nhà nước nắm được số liệu, hoạt động của các tổ chức hòa giải, từ đó có sự điều chỉnh về chính sách, pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, cần có các quy định rõ hơn và theo

hướng là giảm thiểu các nghĩa vụ hành chính của tổ chức hoà giải đối với Nhà nước, tăng cường vai trò tự quản, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức hòa giải.

Việc nghiên cứu và đề xuất các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại nói chung và *Nghị định số 22/2017/NĐ-CP nói riêng là nhằm tiếp tục thể chế hóa và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách ngành tư pháp đến năm 2020, trong đó nhấn mạnh: “Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó”*. Hoàn thiện các quy định về hòa giải thương mại sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành, phát triển tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại, góp phần đa dạng hóa hình thức giải quyết tranh chấp thương mại, tiết kiệm chi phí cho xã hội và thực hiện đầy đủ cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ WTO/.

DÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÍNH ỔN ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

(Tiếp theo trang 9)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2015), Đề tài: “Nghiên cứu mô hình xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, Chương trình “Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020”, Mã số: KX.02/11-15, Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm: Lê Hồng Hạnh, Hà Nội;

2. Nguyễn Văn Cương (2018), “Bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật - yêu cầu quan trọng trong xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (Viện Nghiên cứu lập pháp), (18), kỳ 2, tháng 9;

3. Hồ Chí Minh (2010), Về vấn đề Nhà nước và Pháp luật, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội;

4. Lê Du Phong (Chủ biên) (2018), Các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, Sách tham khảo, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội;

5. Võ Khánh Vinh (2004), “Về tính ổn định của luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (Viện Nhà nước và Pháp luật), (8), tr.3-13;

6. WEF (2017), The Global Competitiveness Report 2016-2017, http://www3.weforum.org/docs/GCR2016-2017/05FullReport/TheGlobalCompetitivenessReport2016-2017_FINAL.pdf